

34/14

## ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VỤ ĐÔNG XUÂN 1985 — 1986

HOÀNG THU NHUNG  
Viện Khí tượng Thủy văn

Vụ đông xuân năm 1985 — 1986 trời ấm, mưa phân bố không đều, gió khô nóng xuất hiện sớm. Lúa và nhiều loại cây trồng sinh trưởng, phát triển chậm, cuối vụ mưa lớn gây úng ngập ở các tỉnh thuộc Bắc Bộ ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng lúa.

### I - TÓM TẮT ĐẶC ĐIỂM THỜI TIẾT

1. Gió mùa đông bắc về sớm nhưng không mạnh. Trời ấm, gió khô nóng hoạt động sớm.

Ngay từ tháng đầu vụ, gió mùa đông bắc đã tràn về liên tục. Riêng trong tháng XI/1985 có 5 đợt, trung bình mỗi tháng 3—4 đợt, cả vụ có 24 đợt gió mùa đông bắc, nhiều hơn TBNN (trung bình nhiều năm) 4 đợt nhưng cường độ không mạnh. Sau các đợt gió mùa đông bắc nhiệt độ tuy giảm thấp nhưng mức độ rét không gay gắt lắm. Số ngày rét đậm ít hơn so với mấy vụ gần đây (bảng 1).

Bảng 1 — Số đợt gió mùa đông bắc tràn qua Hà Nội từ tháng XI/1985 đến tháng V/1986

Tháng	XI	XII	I	II	III	IV	V
Số đợt	5	4	2	4	2	3	4
Ngày	9, 12, 16, 21, 28	11, 14, 20, 30	3, 22	1, 7, 18, 27	19, 31	7, 15, 21	2, 6, 14, 21

Trong các tháng XII/1985, tháng I và tháng II/1986, đã xuất hiện một số ngày rét hại nhưng các đợt rét hại không kéo dài, đợt dài nhất cũng chỉ 3—5 ngày. Vì vậy, sau những đợt rét trời ấm lên nhanh, giữa tháng III thì ấm hẳn.

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng đầu xấp xỉ hoặc trên dưới TBNN khoảng 0,5°C. Riêng tháng XI/85 nhiệt độ cao hơn TBNN 1°C (bảng 2).

Nhiệt độ thấp nhất ở đồng bằng Bắc Bộ phổ biến là 7—9°C. (miền núi 1—3°C); Trung Bộ và Tây Nguyên 12—14°C; Nam Bộ 17—19°C.

Tổng nhiệt độ từ đầu vụ đến cuối tháng II ở phía Bắc là 2100—2250°C; ở phía Nam: 2500—3100°C, cao hơn TBNN 15—20°C.

**Bảng 2 — Nhiệt độ không khí trung bình các tháng vụ đông xuân 1985 — 1986 (°C)**

Tháng Trạm	XI		XII		I		II		III		IV		V		VI	
	T	So với TBNN	T	So với TBNN	T	So với TBNN	T	So với TBNN	T	So với TBNN	T	So với TBNN	T	So với TBNN	T	So với TBNN
	Lai Châu	207	+05	171	-02	169	+01	184	+01	207	-12	237	-10	262	-01	269
Lạng Sơn	190	+11	144	-03	132	+02	129	-13	181	0	229	+09	249	-07	269	+03
Thái Nguyên	213	+09	172	-02	161	+05	166	-07	198	0	240	+06	267	-05	288	+07
Bắc Giang	215	+09	173	-03	162	+03	160	-08	199	0	235	0	267	-06	288	+04
Hà Nội	219	+09	179	-02	166	+05	162	-08	198	-02	244	+07	269	-05	289	+04
Nam Định	219	+08	178	-04	166	+04	162	-06	190	-07	241	+08	268	-04	289	+04
Vinh	220	+08	185	-03	175	+03	175	-02	195	-09	243	+04	273	-04	304	+13
Đông Hới	232	+12	194	-03	x	x	x	x	211	-03	252	+06	275	-04	307	+15
Huế	240	+09	202	-09	195	-05	207	+10	227	-05	263	+02	277	-08	299	+05
Buôn Mê Thuột	232	+13	213	+05	200	-05	222	+04	242	+01	264	+07	158	+02	251	+05
Nha Trang	257	-27	242	-03	x	x	x	x	245	-31	x	x	284	+26	283	+37
TP. Hồ Chí Minh	248	+02	256	-04	251	-06	263	-04	276	-02	293	+03	282	-02	277	0
Cần Thơ	269	-01	253	-03	243	-10	253	-06	264	-07	282	-03	271	-02	273	+04
Rạch Giá	276	-0.9	x	x	250	-05	253	-10	x	x	287	+02	278	-06	283	+01

Ghi chú: T — Nhiệt độ không khí trung bình

NTBN — Trung bình nhiệt năm, lớn hơn mang dấu + (dương), nhỏ hơn mang dấu - (âm)

Gió khô nóng xuất hiện sớm, ngay từ tháng III, hàng VI gió khô nóng đã hoạt động ở khu Tây Bắc và Trung Bộ với nhiệt độ tối cao 36—39°C, giữa và cuối tháng V ở ven biển Trung Bộ và một số nơi thuộc Bắc Bộ, gió khô nóng hoạt động tương đối mạnh với nhiệt độ cao nhất 38—40°C. Tuy xuất hiện sớm nhưng số ngày có gió khô nóng không kéo dài. Trong các tháng V, VI, mỗi tháng gió khô nóng khống chế khoảng 4—5 ngày.

## 2. Mưa phân bố không đều, cuối vụ mưa lớn gây úng ngập nặng.

Do ảnh hưởng của các đợt không khí lạnh, trong tháng XI/85 đã xảy ra 2 đợt mưa lớn vào giữa và cuối tháng. Lượng mưa phổ biến là 100—150mm, Trung Bộ và một số nơi thuộc Nam Bộ 400—500mm (Huế 893mm) vượt TBNN 100—120mm (Trung Bộ vượt 300—400mm).

Từ tháng XII/85 — tháng III/86 rất ít mưa. Một số nơi thuộc Trung Bộ mưa 80—100mm/tháng các nơi khác mỗi tháng chỉ mưa dưới 20—30mm hụt TBNN 20mm. Đặc biệt, vùng đồng bằng Bắc Bộ trong tháng XII/85 và tháng I/86 mưa dưới 10mm, hạn hán đã xảy ra trên diện rộng.

Ngược lại, 3 tháng cuối vụ mưa nhiều, có nơi mưa rất to. Lượng mưa tháng phổ biến đạt 200—300mm, một số nơi thuộc đồng bằng và trung du Bắc Bộ mưa 400—500mm, đa số các nơi thuộc Bắc Bộ và Trung Bộ có lượng mưa tháng vượt TBNN 100—200mm, Nam Bộ vượt 50—100mm, hạn được chấm dứt trong tháng VI (bảng 3). Một số nơi thuộc vùng núi phía bắc có mưa đá

Bảng 3 - Lượng mưa các tháng vụ đông xuân 1985 - 1986 (mm)

Trạm	Tháng															
	XI		XII		I		II		III		IV		V		VI	
	R	So với TBNN	R	So với TBNN	R	So với TBNN	R	So với TBNN	R	So với TBNN	R	So với TBNN	R	So với TBNN	R	So với TBNN
Lai Châu	168	+118	-	-38	1	-26	9	-27	12	-44	292	+156	254	+9	293	-149
Lạng Sơn	146	+117	0	-23	6	-25	12	-14	4	-27	146	+43	221	+64	343	+132
Thái Nguyên	127	+88	3	-23	13	-11	22	-11	16	-28	123	+291	419	+199	340	-16
Pắc Giang	66	+33	1	-18	7	-16	19	-5	8	-23	284	+173	364	+190	511	+278
Hà Nội	41	-15	3	-17	8	-12	18	-7	9	-23	268	+158	581	+414	450	+206
Nam Định	94	+15	7	-30	7	-18	30	+1	8	-34	108	-2	290	+134	231	+19
Vinh	538	+375	13	-67	42	-8	53	+13	35	-9	84	+16	322	+189	2	-119
Đồng Hới	460	+119	17	-124	×	×	×	×	150	-29	18	-34	312	+212	1	-79
Huế	893	+339	498	+232	82	-65	85	+13	50	+3	3	-52	191	+106	82	-43
Buôn Mê Thuột	101	0	3	-22	-	-	10	+9	15	-9	32	-30	218	+19	267	+55
Nha Trang	553	+201	145	-9	-	-	×	×	0	-22	×	×	-35	-51	60	+13
T.P. Hồ Chí Minh	125	+27	89	+55	16	+1	-	-1	-	-10	5	-34	265	+33	407	+102
Cần Thơ	131	+52	15	+6	2	-15	2	+2	22	+19	12	+9	219	+63	272	+91
Rạch Giá	440	+280	×	×	26	+15	8	+1	×	×	17	+20	258	+30	215	-45

Ghi chú: R - Lượng mưa.

TBNN - Trung bình nhiều năm; lớn hơn mang dấu + (dương), nhỏ hơn mang dấu - (âm).

Tổng lượng mưa của cả vụ phổ biến là 400 - 500mm, ở Trung Bộ và một số nơi thuộc vùng núi phía bắc trên 1000mm, vượt TBNN 200 - 500mm. Mưa lớn kéo dài nhiều ngày gây nên ngập úng nặng trong tháng V và tháng VI.

### 3. Năng nhiều nhưng phân bố không đều trong các tháng và các vùng. Độ ẩm không khí thấp.

Trong cả vụ, trừ tháng II/86, ở Bắc Bộ nắng ít dưới 50 giờ, các tháng khác ở Bắc và Trung Bộ có số giờ nắng tháng 100 - 150 giờ (tháng VI trên 150 giờ); Nam Bộ và Tây Nguyên 200 - 300 giờ. Đa số các nơi có số giờ nắng tháng cao hơn TBNN 20 - 50 giờ, riêng tháng XI/85 và tháng V/86 do nhiều ngày có mưa nên số giờ nắng thấp so với TBNN 30 - 60 giờ (bảng 4).

Tổng số giờ nắng cả vụ ở đồng bằng Bắc Bộ 800 - 1000 giờ; cao hơn TBNN 200 - 400 giờ. Đặc biệt trong các tháng mùa đông nắng khá đã tạo nên thời tiết ẩm áp cho vụ đông xuân.

Độ ẩm không khí thấp, độ ẩm trung bình tháng phổ biến là 80 - 85%. Riêng tháng XI/85 do mưa lớn và nhiều ngày có mưa nên độ ẩm tương đối cao, trung bình 85 - 90%.

Độ ẩm thấp nhất ở đa số các nơi 30 - 50%.

Bảng 4 - Số giờ nắng các tháng vụ đông xuân 1985 - 1986

Trạm	Tháng															
	XI		XII		I		II		III		IV		V		VI	
	S	So với TBNN	S	So với TBNN	S	So với TBNN	S	So với TBNN	S	So với TBNN	S	So với TBNN	S	So với TBNN	S	So với TBNN
Lai Châu	119	-15	140	+9	134	-1	169	+31	233	+51	197	-3	149	-36	119	+5
Lạng Sơn	103	-35	116	0	134	-48	55	-10	113	+53	×	×	×	×	157	+5
Thái Nguyên	111	-39	138	+14	126	+49	31	-19	110	+62	89	+8	147	-34	162	+25
Bắc Giang	66	-93	140	+13	128	+42	46	-5	125	+72	103	+12	184	-19	176	+22
Hà Nội	110	-39	74	-50	129	+49	34	-18	109	+58	99	+3	134	-62	170	+3
Nam Định	105	-44	160	+31	127	+48	45	+2	94	+47	209	+110	138	-64	180	+2
Vinh	53	-53	97	+7	30	-49	45	-5	132	+67	114	-22	173	-57	201	+15
Đồng Hới	91	-8	81	-7	×	×	×	×	155	+54	156	-21	169	-76	225	+37
Huế	85	-18	49	-49	136	+23	129	+25	146	-8	176	-14	165	-81	234	+43
Buôn Mê Thuột	179	+9	228	+32	271	+26	260	+18	272	+4	286	+33	195	-32	179	+75
Nha Trang	142	+2	140	-15	×	×	×	×	256	+4	×	×	243	-7	237	+50
T.P. Hồ Chí Minh	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	167	×
Cần Thơ	204	-18	229	-25	241	-13	265	+19	300	+18	291	+21	184	-30	198	-13
Rạch Giá	212	+14	×	×	266	+34	204	+43	×	×	268	+31	200	+2	177	-15

Ghi chú: S - Số giờ nắng.

TBNN - Trung bình nhiều năm, lớn hơn mang dấu + (dương), nhỏ hơn mang dấu - (âm).

## II - ẢNH HƯỞNG CỦA THỜI TIẾT ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

### 1. Lúa chiêm xuân

a) Trong thời kỳ gieo mạ chiêm, mưa nhiều đã ảnh hưởng đến việc làm mạ - trời ẩm và nắng hanh mạ sinh trưởng thuận lợi.

Hai đợt mưa lớn giữa và cuối tháng XI/85 đã gây úng ngập nhiều nơi ở Bắc Bộ, việc gieo mạ chiêm gặp nhiều khó khăn, một số nơi nước rút chậm, không cấy xong được, do đó, tốc độ gieo mạ chậm so với yêu cầu, ở miền Nam việc gieo cấy nhanh hơn nhưng do triển khai muộn nên cuối tháng XII/85 mới gieo cấy được 65% diện tích kế hoạch.

Sau đợt mưa to cuối tháng XI/85 thời tiết chuyển khô hanh, mưa ít, nắng nhiều, tốc độ cấy vớ nhanh, việc phơi ải thuận lợi, chất lượng ải tốt.

Trời ẩm, mạ chiêm sinh trưởng thuận lợi, 10 - 13 ngày sau khi gieo mạ có 3 lá và 15 - 20 ngày sau có 5 lá, sớm hơn vụ trước 7 - 10 ngày (bảng 5), mạ phát triển nhanh, trạng thái sinh trưởng cấp 3 - 4, ít sâu bệnh.

Giữa tháng XII/85 mạ đã qua thời kỳ 3 lá, có một ít số ngày nhiệt độ trung bình dưới 13°C nên không bị ảnh hưởng.

Đặc biệt trong vụ này đồng bằng Bắc Bộ không có diện tích mạ bị chết rét, phát triển nhanh. Nhờ các đợt rét cuối tháng XII/85 và đầu tháng I/86 đã

Bảng 5 — Tình hình sinh trưởng và phát triển của mạ vụ đông xuân 1985 - 1986

Trạm	Giống lúa	Đợt gieo	Ngày gieo	Kỳ phát triển 3 lá			Kỳ phát triển 5 lá			Kỳ phát triển 7 lá					
				Ngày phát triển	Số ngày từ gieo	Độ cao (cm)	TTST	Ngày phát triển	Số ngày từ 3 lá	Độ cao (cm)	TTST	Ngày phát triển	Số ngày từ 5 lá	Độ cao (cm)	TTST
Bắc Giang	Trần châu lùn	1	18/XI	30/XI	12	8	3	20/XII	20	12	3				
		2	27/XI	10/XII	13	9	3	31/XII	21	11	3				
		3	2/XII	20/XII	18	7	2								
Nam Định	NN8	1	24/XI	6/XII	12	8	4	18/XII	12	17	4	2/I	14	19	4
		2	26/XI	10/XII	14	12	4	20/XII	10	16	4	21/I	22	18	3
		3	29/XI	21/XII	13	9	3	31/XII	18	15	3	16/I	16	16	4
Đồng Hới	VN10	1	6/XII	16/XII	10	5	3	28/XII	12	16	3				
		2	12/XII	26/XII	14	5	3	21/I	14	11	3				
		3	16/XII	31/XII	15	6	3	16/I	15	10	3				
Huế	13/2	1	25/XI	4/XII	9	10	2	18/XII	14	20	3	2/I	15	26	4
		2	11/XII	24/XII	13	9	2	6/I	13	15	3	18/I	12	20	4
		3	19/XII	2/I	14	8	3	21/I	10	13	3	26/I	14	18	4
Cần Thơ	MTL50	1	1/XI	10/XI	9	10	2	16/XI	6	17	2				
	MTL54	1	1/XI	10/XI	9	9	2	16/XI	7	16	2				

Ghi chú: TTST (trạng thái sinh trưởng).

hạn chế tốc độ phát triển làm cho mạ đỡ bị già ống. Nhìn chung mạ tốt, cây cao, danh dảnh, bản lá rộng và cấy dôi.

b) Sau cấy, lúa chóng bén rễ, hồi xanh và đẻ nhánh sớm nhưng tỷ suất nhánh đẻ thấp.

Lúa đại trà được cấy rộ vào nửa cuối tháng I là thời kỳ nắng ấm. Đồng bằng Bắc Bộ nhiệt độ trung bình ngày đã vượt lên trên 18°C, lúa cấy chóng bén rễ, hồi xanh sau khi cấy 4 - 8 ngày, lúa đã bén rễ và ra lá mới. Lúa sinh trưởng thuận lợi, độ cao và số lá tăng nhanh, đẻ nhánh sớm. Ở các tỉnh phía Nam thời gian lúa từ bén rễ đến đẻ nhánh chỉ 15 - 20 ngày; ở phía Bắc 30 - 35 ngày (bảng 6).

Trung tuần tháng III lúa đại trà đẻ nhánh rộ. Do ít mưa kéo dài nhiều nơi thiếu nước gây hạn trên diện rộng. Theo Bộ Nông nghiệp, đến 15/III cả nước có 320000 ha lúa hết nước. Trời đầy mây, nắng ít, quá trình quang hợp tạo chất hữu cơ không thuận lợi, lúa đẻ ít. Ở đồng bằng Bắc Bộ tỷ suất đẻ nhánh của lúa chiêm xuân phổ biến dưới 100%, các tỉnh phía Nam tuy ít mưa nhưng do điều kiện thủy lợi tốt, nên hạn chỉ xảy ra trên diện hẹp, nhiệt độ và ánh sáng khá đầy đủ, lúa được dinh dưỡng tốt nên tỷ suất đẻ nhánh cao, đạt 400 - 500%.

c) Lúa làm dòng thuận lợi - thời kỳ trở bông làm hại mưa lớn gây úng ngập ảnh hưởng đến năng suất.

Ở phía Bắc, giữa tháng IV đã có mưa đông đều khắp trên diện rộng (100 - 150mm), chấm dứt được hạn kéo dài từ đầu vụ. Lúa đại trà đang bước

**Bảng 6 - Tình hình sinh trưởng và phát triển của lúa vụ đông xuân 1985-1986**

Trạm	Bắc Giang		Nam Định		Đồng Hới		Cần Thơ		Đẻ nhánh			Mọc đòng			Trở bông - nở hoa			Chín				
	Giống lúa	Đợt cấy	Ngày cấy	Ngày bén rễ	Ngày phát triển	Số ngày từ bén rễ	Độ cao (cm)	Ngày phát triển	Số ngày từ đẻ nhánh	Độ cao (cm)	Ngày phát triển	Số ngày từ đẻ nhánh	Độ cao (cm)	Ngày phát triển	Số ngày từ đẻ nhánh	Độ cao (cm)	Ngày phát triển	Số ngày từ đẻ nhánh	Độ cao (cm)	Ngày phát triển	Số ngày từ đẻ nhánh	Độ cao (cm)
		1	31/I	8/II	12/III	32	17	31/III	19	48	30/IV	30	44	20/V	4	20						
		2	15/II	18/II	20/III	30	26	10/IV	21	X	6/V	26	49	22/V	4	16						
		3	24/II	28/II	1/III	31	30	20/IV	20	52	8/V	18	40	21/V	4	16						
		1	31/I	6/II	12/III	34	40	10/IV	29	64	30/IV	20	53	22/V	8	22						
		2	31/I	6/II	20/III	42	46	12/IV	23	59	30/IV	18	49	22/V	8	22						
		3	2/II	8/II	14/III	34	37	12/IV	29	52	2/V	20	X	X	X	X						
		1	15/I	22/I	8/II	17	33	12/III	32	40	16/IV	35	38	12/V	8	26						
		2	25/I	2/II	16/II	14	30	20/III	32	41	20/IV	31	40	16/V	8	26						
		3	31/I	8/II	28/II	20	28	31/III	31	40	14/IV	24	36	22/V	10	28						
		1	11/XII	X	X	X	X	10/I	X	56	17/II	25	53	10/III	18	34						
		2	26/XII	X	10/I	X	38	22/I	12	50	16/II	25	56	22/III	20	34						
		3	10/I	14/I	22/I	8	29	8/II	17	56	8/III	28	56	8/IV	19	31						
		1	11/XII	X	X	X	X	10/I	X	59	8/II	29	43	10/III	16	30						
		2	26/XII	X	10/I	X	32	22/I	12	43	26/II	35	54	26/III	18	28						
		3	10/I	4/I	22/I	8	29	8/II	17	51	8/III	28	48	12/IV	19	35						

vào thời kỳ đòng với nhiệt độ trung bình ngày 24 - 25°C, mỗi tuần có 30 - 50 giờ nắng, là điều kiện thích hợp đối với lúa trong thời kỳ sinh trưởng sinh thực. Do đó, việc hình thành các danh giá và mầm hoa thuận lợi. Lúa có đủ điều kiện để nuôi đòng lớn nhanh, cây to đầy sức.

Ở Bắc Bộ, thời gian từ khi lúa phân hóa đòng đến trở mắt khoảng 30 - 35 ngày, Nam Bộ 25 - 30 ngày.

Cũng trong thời kỳ này các loại sâu bệnh phát triển mạnh, chủ yếu là bọ xít, sâu cuốn lá, rầy nâu... gây hại nặng trên cả 3 trà lúa.

Lúa đại trà trở rộ vào cuối tháng IV đầu tháng V. Giữa lúc lúa đại trà làm hạt, lúa muộn trở bông - vào chắt thì các đợt không khí lạnh tràn về gây mưa trong nhiều ngày (15 - 20 ngày/tháng), nhiều nơi mưa to, có nơi mưa rất to, với cường độ 200mm/ngày. Lúa trở bông phơi màu không thuận lợi, ảnh hưởng xấu đến quá trình nở hoa và thụ phấn của hoa lúa. Lúa làm hạt trong điều kiện mưa to kéo dài, độ ẩm không khí cao và thiếu ánh sáng rất không lợi cho quá trình quang hợp, tích lũy chất hữu cơ tạo hạt vì vậy đã nâng cao tỷ lệ hạt lép, hạt lửng.



Mưa lớn đã gây úng, ngập những chân ruộng thấp, một số diện tích bị đồ ngập do thân lúa yếu mềm vì ảnh hưởng của sâu bệnh. Tiếp sau những đợt mưa, trời nắng nóng những diện tích bị ngập lúa thối và mọng lan nhanh.

## 2. Rau màu cây công nghiệp.

Đầu vụ mưa khá đều, trời ẩm, nắng hanh việc gieo trồng rau màu cây công nghiệp vụ đông thuận lợi hơn các vụ trước, tiến độ sản xuất tăng nhanh.

Hạn xảy ra vào cuối vụ khi các loại cây trồng vụ đông sắp thu hoạch nên không bị ảnh hưởng của rét và hạn, tốc độ sinh trưởng và phát triển nhanh, năng suất thu hoạch khá hơn các vụ trước.

Cũng do trời ẩm nên rau màu, cây công nghiệp vụ xuân gieo trồng thuận lợi, bảo đảm thời vụ, tỷ lệ nảy mầm cao, đầu tháng I — tháng III rất ít mưa, đất gieo trồng không đủ ẩm. các loại cây trồng vụ xuân sinh trưởng và phát triển chậm.

Trong thời kỳ ngô sớm sắp nhú cờ, lạc 5 — 6 lá, đỗ tương 4 — 5 lá, hạn hán đã xảy ra trên diện rộng, nghiêm trọng, miền núi bị khô hạn nghiêm trọng mãi cuối tháng IV mới có mưa. Ngược lại, tháng V nhiều nơi mưa to và rất to. Vùng đồng bằng ven sông rau màu bị ngập thối, một số diện tích bị mất trắng hoặc thu hoạch không đáng kể. Miền núi do mưa to đất bị trôi màu ảnh hưởng xấu đến đời sống sinh trưởng của cây trồng.

Nhìn chung năng suất thu hoạch của rau màu cây công nghiệp vụ xuân giảm thấp, chất lượng sản phẩm kém.

## III - KẾT LUẬN

Điều kiện khí tượng nông nghiệp vụ đông xuân 1985 — 1986 nhìn chung không thuận lợi.

Ở phía Bắc đầu vụ tuy trời ẩm việc gieo mạ và cấy lúa chiêm xuân tiến hành thuận lợi, lúa sinh trưởng và phát triển nhanh, đẻ nhánh sớm. Nhưng khi lúa đại trà đẻ rộ rất ít mưa, nhiều ngày không mưa kéo dài, hạn hán trên diện rộng, lúa thiếu nước nên tỷ suất đẻ nhánh thấp, số nhánh hữu hiệu không cao do đó số bông ít.

Thời kỳ lúa làm đòng sâu bệnh hại nặng nhất là rầy nâu, có nơi bị cháy rầy làm cho bông ngắn, ít hạt.

Lúa trỗ bông làm hạt trong điều kiện mưa to kéo dài trong nhiều ngày; độ ẩm không khí cao, nắng ít, quá trình nở hoa và thụ phấn không thuận lợi, quá trình quang hợp tích lũy chất hữu cơ tạo hạt bị hạn chế vì vậy hạt bị lép, lửng nhiều.

Các tỉnh phía Nam mưa phân bố tương đối đều, hạn chỉ xảy ra trên diện hẹp, úng lụt không đáng kể, sâu bệnh hại nhẹ, lúa sinh trưởng tốt, phát triển nhanh và cho năng suất cao.

Những điều kiện khí tượng nông nghiệp không thuận lợi ở phía Bắc, đã làm cho năng suất và tổng sản lượng lúa đông xuân cả nước trong vụ này giảm thấp. Theo Bộ Nông nghiệp cho biết, năng suất bình quân lúa đông xuân đạt khoảng 33,5 tạ/ha, thấp hơn vụ trước 2 tạ/ha. Sản lượng đạt khoảng 6,1 triệu tấn, kém vụ trước hơn 10 vạn tấn.

Rau màu cây công nghiệp vụ đông phù hợp với thời tiết nên sinh trưởng thuận lợi, tốc độ phát triển nhanh cho năng suất cao.

Cây trồng vụ xuân do ảnh hưởng của hạn, sinh trưởng không bình thường tốc độ phát triển chậm, cuối vụ mưa nhiều gây úng ngập nặng.

Nhìn chung, rau màu, cây công nghiệp vụ đông xuân năng suất thu hoạch cao hơn vụ trước./.

## DIỄN BIẾN THỦY VĂN...

(Tiếp theo trang 17)

4. Mức nước vùng cửa sông chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các đợt triều cường; tình hình mặn xâm nhập vào nội địa có khả năng sâu hơn so với cùng thời kỳ của mùa cạn 1985 - 1986.

**Bảng 6 — Dự báo mức nước trên sông Hồng tại Hà Nội**

N ă m	Mức nước H (cm)			
	XII	I	II	III
1986 — 1987 (dự báo)	370	312	285	255
Trung bình nhiều năm	369	316	283	268
1985 — 1986 (đo)	441	336	284	249